

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 96/2017/HSST
Ngày: 06 – 12 – 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ông Lê Thanh Giang;
2. Ông: Trần Hà Bắc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thái Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Khang – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/HSST – QĐ, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: T).

Sinh ngày 01 tháng 12 năm 1982.

Nơi sinh: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết); con bà Vũ Thị C; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 18/9/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 06 ngày 18/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

2. Trần Văn Ti; sinh năm 1963.

Nơi sinh: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Trần Văn T (đã chết), con bà Nguyễn Thị C; Có vợ là: Trịnh Thị T; Có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 18/9/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 07 ngày 18/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

3. Trần Văn T; sinh năm 1971.

Nơi sinh: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Trần Văn N (đã chết), con bà Trần Thị P; Có vợ là Lê Thị C; Có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 12/10/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 02 ngày 12/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy.

4. Nguyễn Văn T; sinh năm 1970.

Nơi sinh: Xóm 1, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 1, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Nguyễn Hồng H (đã chết), con bà Trần Thị N; Có vợ là Lưu Thị S; Có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 29 ngày 19/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

5. Đỗ Trọng T; sinh ngày 13 tháng 7 năm 1973.

Nơi sinh: Xóm 2, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 2, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đỗ Trọng T (Đã chết), con bà Vũ Thị T; Có vợ là Trần Thị M; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 28 ngày 19/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

6. Trần Văn K; sinh năm 1965.

Nơi sinh: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Trần Văn T và bà Phạm Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị D; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 31 ngày 19/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

7. Mai Văn V; sinh năm 1965.

Nơi sinh: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Mai Văn V (đã chết), con bà Trần Thị G; Có vợ là Phạm Thị V; Có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 30 ngày 19/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

8. Vũ Văn D; sinh năm 1964.

Nơi sinh: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông Vũ Minh T (đã chết), con bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Trịnh Thị L; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, hiện được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 32 ngày 19/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

*** Người làm chứng:**

- Ông Trần Ngọc Đ; sinh năm 1945;

- Chị Phan Thị V; sinh năm 1985;

- Anh Nguyễn Ngọc K; sinh năm 1981;

- Bà Vũ Thị C; sinh năm 1949;

- Chị Trịnh Thị L; sinh năm 1970;

Đều có địa chỉ: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

- Anh Trần Văn V; sinh năm 1995;

Địa chỉ: Xóm 2, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D đều có mặt. Vắng mặt toàn bộ người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16/8/2017, Nguyễn Văn K (tức T) rủ Đỗ Trọng T đánh bài ăn tiền, T đồng ý. K điện thoại cho Phan Thị V, sinh năm 1985, trú tại: Xóm 3, xã G1 và đặt vấn đề với V cho K đánh bài ăn tiền tại nhà V, V đồng ý và bảo “Các anh cứ chơi đi, em đang đi làm tí em về” nên K cùng T đến nhà V vào nhà ngồi uống nước. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, Trần Văn Ti, Mai Văn V và Nguyễn Văn T cùng đến nhà V. K rủ cả bọn chơi xóc đĩa ăn tiền thì Đỗ Trọng T, Trần Văn Ti, Nguyễn Văn T, Mai Văn V đồng ý. K vào bếp nhà V lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và dùng kéo cắt 04 quân bài vị từ vỏ bao thuốc lá, sau đó cả bọn vào trong buồng nhà V chơi xóc đĩa ăn tiền với nhau do K là người xóc cái và cả bọn thống nhất đánh ván thấp nhất

50.000 đồng và ván cao nhất 100.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, lần lượt Nguyễn Ngọc K (là anh trai của Nguyễn Văn K), Trần Văn K, Trần Văn T, Vũ Văn D cùng đến nhà V, sau đó Trần Văn K, Trần Văn T, Vũ Văn D vào tham gia chơi xóc đĩa ăn tiền với cả bọn, còn Nguyễn Văn K không chơi. Các đối tượng đánh xóc đĩa ăn tiền đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng của Công an huyện Giao Thủy phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 14.850.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài vị, 01 chiếu nhựa, 01 kéo bằng kim loại; thu trên người các đối tượng 3.500.000 đồng và 08 điện thoại các loại để đưa về Công an huyện Giao Thủy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Nguyễn Văn K (tức T) khai nhận là người xóc cái và đã sử dụng số tiền 1.200.000 đồng vào việc đánh bạc, Trần Văn Ti khai nhận đã dùng số tiền 2.400.000 đồng vào việc đánh bạc, Trần Văn T khai nhận đã dùng số tiền 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, Đỗ Trọng T khai nhận sử dụng số tiền 500.000 đồng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn T khai nhận sử dụng số tiền 1.200.000 đồng vào việc đánh bạc, Mai Văn V khai nhận sử dụng số tiền 500.000 đồng vào việc đánh bạc, Trần Văn K khai nhận có 900.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Vũ Văn D khai nhận đã sử dụng 200.000 đồng vào việc đánh bạc.

Đối với Nguyễn Ngọc K là người có mặt tại xới bạc nhưng không tham đánh bạc, Nguyễn Ngọc K là hội viên hội nạn nhân chất độc màu da cam nên Công an huyện Giao Thủy không xử lý.

Đối với Phan Thị V đã để các đối tượng sử dụng địa điểm là nhà mình để đánh bạc, nhưng không thu tiền hồ. Xét tính chất mức độ nên Công an huyện Giao Thủy đã xử phạt vi phạm hành chính đối với V.

Bản Cáo trạng số 89/CTR ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, q khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn K (tức T) từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng (được khấu trừ số ngày tạm giữ, tạm giam).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Trần Văn Ti từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (được khấu trừ số ngày tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt Trần Văn T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (được khấu trừ số ngày tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt Nguyễn Văn T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (được khấu trừ số ngày tạm giữ).

Xử phạt Trần Văn K từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (được khấu trừ số ngày tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Đỗ Trọng T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; miễn việc khấu trừ thu nhập để sung ngân sách cho bị cáo (được khấu trừ số ngày tạm giữ).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Mai Văn V từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; miễn việc khấu trừ thu nhập để sung ngân sách cho bị cáo (được khấu trừ số ngày tạm giữ).

Xử phạt Vũ Văn D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; miễn việc khấu trừ thu nhập để sung ngân sách cho bị cáo (được khấu trừ số ngày tạm giữ).

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự: Phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D mỗi bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.350.000 đồng thu trên người các bị cáo và tại chiếu bạc để sử dụng đánh bạc cùng 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để chơi bạc.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 cây bài vị, 01 chiếu nhựa.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo đều trình bày bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa; biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở để HĐXX kết luận:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 16/8/2017 các đối tượng Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D đã tụ tập nhau đến nhà Phan Thị V ở xóm 3 xã G1, huyện G đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa do Nguyễn Văn K xóc cái. Các đối tượng tham gia đánh bạc đến 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 14.850.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 cây bài vị, 01 chiếu nhựa và thu trên người trên người các đối tượng 2.500.000 đồng, 03 điện thoại di động các loại các đối tượng dùng vào việc đánh bạc.

Như vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D đã phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong đời sống nhân dân. Hành vi “Đánh bạc” là một trong những tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng xấu nhiều mặt đến cuộc sống bình thường của chính gia đình người đánh bạc, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Trong khi Nhà nước và nhân dân đang ra sức đấu tranh bài trừ tệ nạn đánh bạc ra khỏi đời sống xã hội thì các bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Điều đó thể hiện sự bất chấp và coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phát huy tính răn đe phòng ngừa chung ngoài xã hội.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 08 bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn K, Trần Văn K, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình, được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, do vậy cho 04 bị cáo được hưởng tình tiết giảm

nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Văn K đã tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn K là người rủ rê, khởi xướng và chuẩn bị dụng cụ chơi bạc; các bị cáo Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T là người sử dụng số tiền nhiều hơn để chơi bạc nên Nguyễn Văn K, Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T Tuấn giữ vai trò thứ nhất, còn lại các bị cáo khác có vai trò đồng phạm trong vụ án.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T bằng hình phạt tù, tuy nhiên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo kèm theo thời gian thử thách là thỏa đáng, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Trần Văn K, Mai Văn V và Vũ Văn D có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ vì vậy chưa cần thiết phải xử lý các bị cáo bằng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo sửa chữa lỗi lầm. Trong giai đoạn điều tra các bị cáo Trần Văn K, Mai Văn V và Vũ Văn D đã có thời gian bị tạm giữ, căn cứ khoản 1 Điều 31 Bộ luật hình sự thời gian tạm giữ, tạm giam được đối trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Các bị cáo làm ruộng, không có thu nhập ổn định vì vậy miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.350.000 đồng thu trên người các bị cáo và tại chiếu bạc để sử dụng đánh bạc cùng 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để chơi bạc.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 cây bài vị, 01 chiếu nhựa (đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

Quá trình điều tra xác định 05 chiếc điện thoại di động và 1.000.000 đồng là những tài sản không liên quan đến hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các đối tượng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo: Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, q khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn K (tức T) 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 18/9/2017*).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Trần Văn Ti 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 18/9/2017*).

Xử phạt: Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 12/10/2017*).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017*).

Xử phạt: Đỗ Trọng T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 19/8/2017*).

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Trần Văn K 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi 03 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày trước khi xét xử quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập để sung ngân sách cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Mai Văn V 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi 03 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày trước khi xét xử quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát

giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập để sung ngân sách cho bị cáo.

Xử phạt: Vũ Văn D 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi 03 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày trước khi xét xử quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập để sung ngân sách cho bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D cho UBND xã G1, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo tại địa phương

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự: Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D mỗi bị cáo 03 (Ba) triệu đồng.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.350.000 đồng thu trên người các bị cáo và tại chiếu bạc để sử dụng đánh bạc cùng 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để chơi bạc.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 cây bài vị, 01 chiếu nhựa (đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy). *(Được ghi chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 05247 ngày 26/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).*

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn Khâu, Mai Văn V, Vũ Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn K (tức T), Trần Văn Ti, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Trọng T, Trần Văn K, Mai Văn V, Vũ Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Quốc Tuấn